

Đinh ghim



Dùng cho máy	Loại	Dài	Mã số
DPT353, AF201Z, PT353D	23Ga Đinh ghim (10,000 cái/hộp)	18mm (11/16")	F-31825
		25mm (1")	F-31838
		30mm (1-3/16")	F-31841
DPT353, PT353D		35mm (1-3/8")	F-31854
DPT353, AF201Z, PT353D	23Ga Đinh ghim không ghi (10,000 cái/hộp)	18mm (11/16")	F-32142

Đinh chỉ



Dùng cho máy:
AF201, AF353, AF301, AF504, DPT353

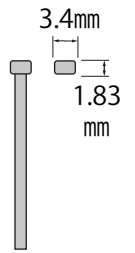
Loại	Mã số	Chiều dài	Cái/hộp
Đinh chỉ	B-04307	15mm	5,000
	B-04313	20mm	5,000
	B-04329	25mm	5,000
	B-04335	30mm	5,000
	B-04357	35mm	5,000
	B-04379	40mm	5,000
	B-04385	45mm	5,000
	B-04391	50mm	5,000
	F-01697	32mm	2,021
	F-01703	38mm	2,021
	F-01716	45mm	2,021
	F-01729	50mm	2,021
	F-01732	57mm	2,021
	F-01745	64mm	2,021

Đinh chỉ



Mã số	Loại	Chiều dài	Mã số
AF506, AF552H DBN500	18Ga Đinh chỉ (5,000 cái/hộp)	15mm (5/8")	F-31867
		20mm (3/4")	F-31870
		25mm (1")	F-31883
		30mm (1-3/16")	F-31896
AF506, DBN500		32mm (1-1/4")	F-31902
		35mm (1-3/8")	F-31915
		38mm (1-1/2")	F-31928
		40mm (1-9/16")	F-31931
		45mm (1-3/4")	F-31944
		50mm (2")	F-31957

Đinh ghim



Dùng cho máy	Loại	Dài	Mã số
AF530H AF634S AF634 AF631	3,655 cái (43cái×85cuộn)	32 mm	F-01697
		38 mm	F-01703
		45 mm	F-01716
AF530H		50 mm	F-01729
AF634S AF634 AF631		57 mm	F-01732
		64 mm	F-01745

Ghim dập

Dùng cho máy	Mã số	Mô tả	Ghim/hộp
DST421 DST121	B-04400	10	5,000
	B-04416	12	5,000
	B-04422	16	5,000
	B-04438	19	5,000
	B-04444	22	5,000

Bộ phụ kiện buộc thép chuỗi lực góc 1/4"



Mã số
194731-2

Khóa lực góc



Dùng cho máy	Kích thước	Mã số
JN1601, 2012NB	2.5mm	783208-8
4326, 4327, 4328, JV0600	3mm	783201-2
4350, DJV180, 1911B	4mm	783202-0

Lưới trộn sơn



*với bu lông & đai ốc M8

	Lưới trộn sơn			Bu lông		Cần trộn sơn			Máy
	Kích thước	Vật liệu	Mã số	Kích thước bu lông	Mã số	Kích thước trục máy trộn sơn	Kích thước	Mã số	
	130mm	INOX	A-43670	M8 x 18	265220-5	M12	L=584mm D=12mm	168349-5	DUT130 UT1305
	135mm	Aluminum	A-43723	W5/16 x 16	265475-2	M12	L=584mm D=12mm	A-43773	DUT130 UT1305 UT2204
	150mm	INOX	*A-43686	---	---	M12	L=584mm D=12mm	168349-5	DUT130 UT1305 UT2204
	165mm	INOX	A-43692	M8 x 18	265220-5	M12	L=584mm D=12mm	168349-5	DUT130 UT1305
	175mm	Aluminum	A-43701	W5/16 x 16	265475-2	M12	L=584mm D=12mm	A-43773	UT1305 UT2204
	183mm	Aluminum	A-43739	W5/16 x 16	265475-2	M12	L=584mm D=12mm	A-43773	UT1305 UT2204
	190mm	Steel	A-33065	W5/16 x 16	265475-2	M12	L=584mm D=12mm	A-43773	UT2204
	201mm	Steel	A-33071	W5/16 x 16	265475-2	M12	L=584mm D=12mm	A-43773	UT2204
	220mm	Aluminum	A-43717	M8 x 16	265440-1	M12	L=584mm D=12mm	A-43773	UT2204



Túi đựng đồ nghề

Túi đựng máy khoan và phụ kiện đa năng

Kích thước (mm)	Mã số
280x255x160	P-71722 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng dành cho thợ điện

Kích thước (mm)	Mã số
235x155x75	P-71738 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng đa năng cho nhiều công việc

Kích thước (mm)	Mã số
320x320x170	P-71744 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng 2 ngăn

Kích thước(mm)	Mã số
265x260x135	P-71750 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng 3 ngăn

Kích thước(mm)	Mã số
325x315x175	P-71766 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng dành cho thợ xây dựng

Kích thước(mm)	Mã số
235x155x75	P-71788 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng máy khoan đa năng

Kích thước(mm)	Mã số
290x170x85	P-71794 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Thắt lưng cho việc đeo trọng lượng nặng

Kích thước(mm)	Mã số
140x865	P-71819 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Thắt lưng tháo nhanh

Kích thước(mm)	Mã số
50x1340	P-71825 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi giữ búa

Kích thước(mm)	Mã số
160x105x70	P-71869 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi giữ búa bên hông

Kích thước(mm)	Mã số
160x105x75	P-71875 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi giữ búa và công cụ

Kích thước(mm)	Mã số
165x145x110	P-71934 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng có miệng dây rút

Kích thước(mm)	Mã số
140x200x150	P-71956 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi xách 20 inch

Kích thước(mm)	Mã số
290x520x250	P-71990 <i>(Số lượng có hạn)</i>



Túi đựng đa năng

Kích thước(mm)	Mã số
220x290x185	P-72045 <i>(Số lượng có hạn)</i>

